TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Út Mỹ.
2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Công H, sinh năm 1984. *(Xin vắng mặt)*
Địa chỉ: Số 224/2 ấp C, phường T, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị P, sinh năm 1982. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 22/10/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Công H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P sau thời gian tự tìm hiểu, sống chung như vợ chồng từ năm 2005, sau đó có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang vào năm 2007. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống trái ngược nhau, không hợp về tính cách nên thường xuyên cãi nhau, đầu năm 2008 anh đã dẫn theo con chung về quê tại số 224/2 ấp C, phường T, quận 2, thành phố

Hồ chí Minh sinh sống cho đến nay. Anh chị đã ly thân từ thời gian đó cho đến nay và cũng không có liên hệ trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị P.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 19/3/2005. Hiện nay, cháu T đang sống với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi cháu T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị P vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Công H cho anh H được ly hôn với chị Phan Thị P.

Về con chung: Giao con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 19/3/2005 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Công H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Phan Thị P vắng mặt không lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị P tham gia phiên tòa lần thứ hai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G không có ý kiến về việc vắng mặt nguyên đơn anh Ngô Công H, bị đơn chị Phan Thị P và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P sông chung như vợ chồng từ năm 2005, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

K, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 10/7/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh P, căn cứ vào lời khai của anh P và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008, do anh chị có quan điểm sống trái ngược nhau, không hợp về tính cách nên thường xuyên cãi nhau; anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2008 cho đến nay và anh chị cũng không có liên hệ trao đổi để hàn gắn tình cảm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị P không đến Tòa án, không phản đối yêu cầu ly hôn của anh H, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như chị P mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như anh H trình bày, nay chị P không muốn hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên, xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn với chị P là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H và chị P có 01 con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 19/3/2005. Xét thấy, hiện nay cháu T đang sống với anh H. Chị P không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chứng tỏ chị P không quan tâm, chăm sóc con chung và tại bản tự khai ngày 18/01/2022 cháu T cũng trình bày nguyện vọng muốn sống với anh H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 19/3/2005 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con và chị P cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy chị P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh H chưa có yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật. Nếu sau này anh H, chị P có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về án phí: Anh H có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Ngô Công H, cho anh H được ly hôn với chị Phan Thị P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Công T, sinh ngày 19/03/2005 cho anh Ngô Công H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phan Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Ngô Công H chưa có yêu cầu.

Anh Ngô Công H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Phan Thị P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Ngô Công H phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng theo biên lai thu số 0007422 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như anh H đã nộp xong án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh